

Quyền quyết định về các vấn đề liên quan đến con cái của vợ và chồng trong các gia đình miền núi biên giới phía Bắc Việt Nam

Trần Thị Vân Nường

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Dựa vào kết quả đề tài cấp Nhà nước “Hôn nhân xuyên biên giới với phát triển xã hội ở các tỉnh miền núi biên giới nước ta” do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới thực hiện trong hai năm 2014-2015, bài viết đề cập tới quyền quyết định của người vợ và người chồng trong các gia đình miền núi biên giới phía Bắc liên quan đến việc học hành và hôn nhân của các con. Kết quả phân tích cho thấy người có quyền quyết định chính tới vấn đề liên quan đến con cái cũng như các công việc quan trọng khác trong gia đình vẫn thuộc về người chồng, mặc dù hình thức hai vợ chồng cùng đưa ra quyết định ở một số công việc khá phổ biến. Nghiên cứu này cũng cho thấy, trong các gia đình dân tộc thiểu số, vai trò của các yếu tố học vấn và công việc của người vợ có những tác động tích cực làm tăng quyền cho người phụ nữ đối với các vấn đề liên quan đến con cái của họ.

Từ khóa: Hôn nhân gia đình; Quan hệ vợ chồng; Quyền quyết định; Quan hệ cha mẹ - con cái; Dân tộc thiểu số; Miền núi phía Bắc.

Đặt vấn đề

Các tỉnh miền núi ở Việt Nam là nơi cư trú của nhiều tộc người có mối quan hệ lịch sử lâu đời với các nước láng giềng có chung đường biên giới.

Trong bối cảnh phát triển và hội nhập với sự tác động mạnh mẽ của toàn cầu hóa đã làm nảy sinh những vấn đề mới trong quan hệ gia đình vùng biên giới. Không chỉ các yếu tố kinh tế mà những chuẩn mực, giá trị văn hóa, các quan niệm về vai trò xã hội của nam và nữ, của người chồng và người vợ, đang có chiều hướng biến đổi phù hợp với hoàn cảnh hiện tại. Quyền lực của vợ và chồng trong gia đình là mối quan hệ cơ bản trong quan hệ vợ chồng chứa đựng nhiều khuôn mẫu văn hóa được hình thành từ những điều kiện và kinh nghiệm sống của các cộng đồng khác nhau. Trong gia đình thì các quyết định liên quan đến con cái luôn được cha mẹ quan tâm hàng đầu vì vậy trên thực tế, quan hệ quyền lực vợ chồng ở khía cạnh liên quan đến con cái có nhiều điểm khác biệt so với các khía cạnh khác của đời sống gia đình như sản xuất kinh doanh, quản lý chi tiêu gia đình, quan hệ họ hàng... Bởi con cái là một giá trị đặc biệt. Ngoài giá trị tinh thần, con cái còn được kỳ vọng là nguồn hỗ trợ vật chất cho cha mẹ lúc về già, đặc biệt với con trai còn là người tiếp nối nguồn cội của gia đình, họ tộc (Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, 2012). Do vậy, nghiên cứu mối quan hệ quyền lực giữa vợ và chồng liên quan đến các quyết định đối với vấn đề con cái là một điều cần thiết. Bên cạnh đó, khu vực miền núi biên giới phía Bắc là địa bàn cư trú chủ yếu của các dân tộc ít người, quan hệ quyền lực vợ chồng có nhiều đặc trưng riêng khác với quan hệ quyền lực vợ chồng nói chung hầu như còn chưa được phân tích.

Quyền lực của vợ và chồng trong gia đình được xem là khả năng người vợ hoặc chồng gây ảnh hưởng đến hành vi/hành động của người kia và thường được thể hiện bằng việc đưa ra các quyết định liên quan đến đời sống gia đình. Trong bài viết này, mối quan hệ quyền lực vợ chồng trong gia đình được phân tích dựa vào chỉ báo về quyền quyết định cuối cùng tới một trong số các công việc quan trọng của gia đình đó là việc học hành và hôn nhân của các con. Số liệu định lượng được phân tích trong bài viết sử dụng từ các cuộc điều tra tại 13 xã⁽¹⁾ thuộc 3 tỉnh miền núi phía Bắc là Quảng Ninh, Cao Bằng và Lạng Sơn trong số 6 tỉnh là địa bàn khảo sát của đề tài cấp nhà nước “Hôn nhân xuyên biên giới với phát triển xã hội ở các tỉnh miền núi biên giới nước ta”. Mẫu phân tích được lựa chọn có đầy đủ hai vợ chồng hiện đang sinh sống tại địa phương, loại bỏ các trường hợp chưa có vợ/chồng hoặc góa, ly thân, ly hôn. Tổng số mẫu phù hợp có được là 698 trong tổng số 814 trường hợp tham gia nghiên cứu tại 3 tỉnh đã điều tra. Phiếu điều tra chỉ dành cho một đại diện hộ gia đình tuy nhiên thông tin về đặc điểm của người vợ/chồng của họ được thu thập qua trả lời của người đại diện hộ.

1. Quan hệ quyền lực và quyền quyết định của vợ và chồng qua các nghiên cứu quốc tế và Việt Nam

Quan hệ quyền lực vợ chồng là mối quan hệ cơ bản trong quan hệ vợ chồng, do đó lĩnh vực này thu hút sự quan tâm ở hầu hết các công trình nghiên cứu xã hội học về mối quan hệ vợ chồng và bình đẳng giới. Một số công trình tiêu biểu ở nước ngoài như Blood, R., & Wolf, D., (1960); Scanzoni (1979), Blumberg, R.L., & Coleman, M.T. (1989), Xiaohe Xu and Shu-Chuan Lai (2002), v.v.; Một số nghiên cứu ở Việt Nam của các tác giả như Lê Ngọc Văn và cộng sự (2000), Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch và các cơ quan khác (2008), Trần Thị Vân Anh và Nguyễn Hữu Minh (2008), v.v. Các nghiên cứu này đã phân tích quan hệ quyền lực giữa người vợ và người chồng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, đồng thời cho thấy sự khác biệt của mối quan hệ này ở các thời điểm và bối cảnh văn hóa khác nhau.

Trong số các nghiên cứu quốc tế về cán cân quyền lực giữa vợ và chồng phải kể đến cuộc tranh luận để tìm ra các yếu tố chi phối nhiều nhất về nguồn lực cấu trúc như thu nhập, địa vị nghề nghiệp, học vấn hay các yếu tố về văn hóa, tư tưởng giới (Orpesa, 1997; Rodman, 1972; Scanzoni, 1979; Xiaohe Xu and Shu-Chuan Lai, 2002...). Ví dụ như Orpesa (1997) cho rằng các nguồn lực về kinh tế xã hội của các cá nhân có ý nghĩa quyết định trong việc gia tăng mức kiểm soát của họ đối với các quyết định trong gia đình. Tuy nhiên các phát hiện của Rodman (1972) và Scanzoni (1979) (dẫn theo Xiaohe Xu and Shu-Chuan Lai, 2002) lại khẳng định mối liên hệ giữa bối cảnh văn hóa, các chuẩn mực văn hóa với quan hệ quyền lực vợ chồng trong các xã hội gia trưởng. Đặc biệt, các nghiên cứu tiếp theo của nhóm tác giả này trong những xã hội đang chuyển đổi đã đưa ra các cách nhìn rất đa dạng về quan hệ quyền lực vợ chồng. Một nghiên cứu khác ở châu Á của hai tác giả Đài Loan, công bố năm 2002 cho rằng các nguồn lực kinh tế xã hội và tư tưởng giới của cả nam và nữ đã kết hôn là những yếu tố có ý nghĩa lớn đối với việc cân bằng cán cân quyền lực vợ chồng. Quyền lực vợ chồng trong các cặp đôi tại Đài Loan đang trong quá trình chuyển đổi, mặc dù vẫn còn không ít người chồng phản ứng về sự tăng lên vai trò của người vợ trong việc ra các quyết định quan trọng (Xiaohe Xu and Shu-Chuan Lai, 2002). Tóm lại, các kết quả nghiên cứu quốc tế cho thấy, mối quan hệ quyền lực thực sự không chỉ khác biệt giữa các xã hội mà còn khác biệt giữa các nhóm khác nhau trong cùng một xã hội, cùng một nền văn hóa. Do vậy, những thay đổi trong tư tưởng về vai trò giới của cá nhân có thể dẫn thay đổi cán cân quyền lực trong hôn nhân.

Mặt khác từ bối cảnh văn hóa nhấn mạnh tới sự thay đổi vai trò giới ở phía người chồng hay người vợ cũng ảnh hưởng lớn đến tương quan quyền lực giữa vợ và chồng.

Các nghiên cứu tại Việt Nam cũng cho thấy mô hình ra quyết định trong gia đình đã có nhiều thay đổi so với truyền thống. Người phụ nữ, người vợ tham gia đáng kể vào việc quyết định các vấn đề quan trọng của gia đình như công việc sản xuất kinh doanh, các khoản chi tiêu lớn, số con... (Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch và các cơ quan khác, 2008; Lê Ngọc Văn, 2011). Đồng thời các nghiên cứu này cũng cho thấy hình thức phổ biến nhất về quyền quyết định giữa vợ và chồng là hai vợ chồng cùng bàn bạc ra quyết định. Lĩnh vực duy nhất mà người vợ thể hiện là có nhiều quyền hơn chồng họ là trong việc chi tiêu mua sắm phục vụ cho cuộc sống thường ngày như đi chợ, nấu ăn... Về các yếu tố tác động đến cán cân quyền lực, các nghiên cứu cũng chỉ ra sự tham gia ngày càng sâu rộng của phụ nữ vào các hoạt động sản xuất và hoạt động xã hội bên ngoài gia đình; tác động của luật pháp, chính sách, các chương trình xã hội hướng tới bình đẳng giới làm tăng quyền, sự tham gia và tiếng nói cho phụ nữ (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan khác, 2008).

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Quyền quyết định của vợ và chồng trong gia đình

Quan hệ quyền lực giữa vợ và chồng ở khía cạnh liên quan đến con cái là quan hệ đặc biệt hơn so với các lĩnh vực khác của đời sống gia đình. Làm rõ quyền quyết định giữa vợ chồng ở các lĩnh vực của đời sống gia đình trong các gia đình miền núi biên giới phía Bắc sẽ giúp cho hình dung rõ hơn về quyền quyết định giữa vợ và chồng liên quan đến con cái trong tương quan với quyền quyết định ở các lĩnh vực khác trong gia đình. Nhìn chung, quan hệ quyền lực vợ chồng trong các lĩnh vực của đời sống hiện nay thể hiện ở hình thức quyết định phổ biến là hai vợ chồng cùng bàn bạc ra quyết định. Tuy vậy, điểm nhấn mạnh là người chồng ra quyết định cuối cùng cao hơn đáng kể so với người vợ. Chẳng hạn, trong 9 lĩnh vực trình bày ở Bảng 1 thì có đến 8 lĩnh vực tỷ lệ người chồng là người quyết định cuối cùng cao hơn so với người vợ. Duy nhất việc chi tiêu hàng ngày là khía cạnh mà tỷ lệ người vợ có quyền quyết định chính cao hơn so với người chồng.

Kết quả cho thấy các vấn đề liên quan đến con cái là mối quan tâm lớn

Bảng 1. Quyền quyết định các vấn đề liên quan đến con cái so với quyền quyết một số các công việc khác trong gia đình giữa vợ và chồng (%)

Các công việc	Chồng	Vợ	Cả hai	N
1. Quyết định số con	16,3	13,7	70,0	666
2. Hôn nhân của con cái	29,2	9,6	61,2	240
3. Học hành của con cái	28,0	18,0	54,0	510
4. Các quan hệ gia đình và họ hàng	38,0	13,2	48,8	631
5. Mua bán, xây/sửa nhà cửa	55,5	8,1	36,4	593
6. Công việc sản xuất, kinh doanh của hộ gia đình	46,3	17,9	35,8	603
7. Vay vốn	38,1	27,0	34,9	415
8. Mua đồ đạc đắt tiền trong gia đình	51,7	14,3	34,0	586
9. Chi tiêu hàng ngày	24,6	60,9	14,5	621

cần sự tham gia ý kiến của cả người vợ và người chồng. Tỷ lệ cả hai vợ chồng cùng quyết định các vấn đề liên quan đến con cái cao hơn hẳn so với các công việc khác. Cụ thể tỷ lệ cả hai vợ chồng cùng quyết định số con là 70%, quyết định hôn nhân của các con (61,2%) quyết định việc học hành (54%) trong khi tỷ lệ cả hai vợ chồng cùng quyết định các công việc khác có tỷ lệ dao động từ 14,5% đến 48,8% (Bảng 1).

Trong các vấn đề gia đình, có những công việc mà quyền quyết định cuối cùng không chỉ ở người vợ hoặc/và người chồng mà còn sự tham gia của một số thành viên khác như con cái, bố mẹ chồng/vợ, họ hàng... Do đó, các thông tin thu được về quyền quyết định cuối cùng các vấn đề trong gia đình sẽ được nhóm thành sự tham gia quyết định của người vợ, người chồng, cả hai vợ chồng và người khác. Trong nội dung phân tích tiếp theo tác giả chỉ nhấn mạnh sự khác biệt về quyền quyết định giữa người vợ và người chồng liên quan đến việc học tập và hôn nhân của con cái.

2.2. Quyền quyết định của vợ và chồng liên quan đến việc học tập của con

Số liệu Bảng 2 về quyền quyết định cuối cùng đối với việc học hành của con cái theo đặc điểm của vợ và chồng cho thấy có sự khác biệt giữa nhóm người vợ và người chồng khác nhau về độ tuổi, dân tộc, học vấn và khu vực sinh sống.

Bảng 2. Quyền quyết định cuối cùng đối với việc học hành của con cái theo đặc điểm của vợ và chồng (%)

Đặc điểm nhân khẩu xã hội	Người quyết định				N
	Chồng	Vợ	Cả hai	Người khác	
Tuổi chồng***					
Dưới 40	23,5	19,0	53,6	3,9	179
40-50	19,9	15,3	50,5	14,3	216
Trên 50	25,9	10,3	31,3	32,6	224
Tuổi vợ***					
Dưới 40	21,8	20,3	54,5	3,5	202
40-50	20,4	15,3	48,1	16,2	216
Trên 50	26,4	9,0	28,9	35,8	201
Học vấn chồng***					
0-4	20,4	12,8	43,4	23,4	226
5-8	22,6	16,4	49,1	11,9	226
>9	27,7	14,5	39,2	18,6	166
Học vấn vợ***					
0-4	24,1	9,0	42,1	24,8	266
5-8	22,3	18,1	46,8	12,8	188
>9	21,1	21,1	43,5	14,3	161
Dân tộc của chồng***					
Kinh	13,3	28,6	51,0	7,1	98
Tày	25,2	15,3	44,7	14,9	262
Nùng	25,8	8,0	40,0	26,2	225
Dân tộc khác	17,6	11,8	52,9	17,6	34
Dân tộc của vợ*					
Kinh	17,6	25,9	49,1	7,4	108
Tày	23,3	15,3	44,2	17,3	249
Nùng	25,9	9,5	38,6	25,9	220
Dân tộc khác	16,7	11,9	57,1	14,3	42
Nghề chính của chồng					
Nông lâm nghiệp	24,7	13,9	43,7	17,7	503
Phi nông nghiệp	16,4	17,2	47,4	19,0	116
Nghề chính của vợ*					
Nông lâm nghiệp	24,5	15,2	42,5	17,8	527
Phi nông nghiệp	13,0	13,0	52,2	21,7	92
Khu vực***					
Quảng Ninh	16,7	23,2	52,7	7,4	203
Lạng Sơn	30,9	13,9	31,4	23,8	223
Cao Bằng	19,9	7,0	48,8	24,4	201

Mức ý nghĩa thống kê * P< 0,05 ** P< 0,01 *** P< 0,001

Cụ thể là có sự khác biệt rõ nét giữa nhóm người vợ và người chồng ở độ tuổi khác nhau trong việc quyết định việc học hành của con cái. Người vợ ở nhóm tuổi càng trẻ có tỷ lệ quyết định việc học hành của các con cao hơn hai nhóm còn lại. Do vậy, trong những gia đình đó, những người vợ càng lớn tuổi thì người chồng của họ càng có nhiều quyền quyết định việc học của con. Điều này có thể lý giải là do những người phụ nữ trong độ tuổi trung niên trở lên sống ở khu vực miền núi thường không được học hành đầy đủ bằng những người đàn ông cùng thời, do vậy, ở nhóm tuổi này vai trò của người chồng trong gia đình vẫn là được đề cao đối với việc học hành của các con.

Học vấn của vợ và của người chồng cũng tác động đến quyền quyết định của họ đối với việc học của các con. Cụ thể, những người vợ và người chồng có học vấn càng cao thì có tỷ lệ quyết định càng lớn hơn so với các nhóm còn lại. Tuy vậy, một điểm thú vị là, xét theo đặc điểm về học vấn của người chồng, có tới 27,7% người chồng có trình độ từ lớp 9 trở lên có quyền quyết định việc học hành của con cái, trong khi đó chỉ có 14,5% người vợ của những người chồng ở nhóm học vấn đó có quyền quyết định việc học của con. Ngược lại, xét theo học vấn của người vợ, có 21,1% người vợ có trình độ lớp 9 trở lên quyết định việc học của con, tuy vậy trong những gia đình đó, cũng có khoảng 21% người chồng quyết định chính việc này. Như vậy, khi phân tách học vấn của người vợ và người chồng đã cho thấy những khác biệt cụ thể về quyền quyết định giữa họ trong gia đình. Phải chăng, yếu tố học vấn của người vợ chứa thực sự là yếu tố căn bản để thay đổi cán cân quyền lực về phía người vợ. Tuy nhiên, số liệu trên cũng gợi ra rằng sự khác biệt này có thể xuất phát từ sự chênh lệch về trình độ học vấn giữa vợ và chồng. Do vậy trong những gia đình mà người vợ có trình độ học vấn từ lớp 9 trở lên, tỷ lệ người chồng quyết định chính và người vợ quyết định chính việc học của con khá tương đồng với nhau.

Xét theo đặc điểm tộc người cho thấy, những người chồng dân tộc Nùng có tỷ lệ quyết định chính việc học hành của con cao nhất so với những người chồng ở các dân tộc còn lại. Trong khi đó người vợ dân tộc Kinh có vai trò chính đối với việc học tập của con cái, cao hơn hẳn so với những người vợ Tày, Nùng và một số dân tộc khác. Đặc biệt, trong gia đình mà người chồng là người dân tộc Kinh thì việc người vợ có quyền quyết định chính việc học của các con chiếm tỷ lệ khá cao. Tuy vậy, yếu tố tộc người của người chồng có quan hệ chặt hơn với quyền quyết định

chính việc học của các con so với yếu tố tộc người của người vợ.

Yếu tố nghề nghiệp của người vợ có tác động không đáng kể đối với quyền quyết định việc học tập của các con, tuy vậy vẫn theo xu hướng người vợ làm phi nông nghiệp có vai trò lớn hơn những người vợ ở nhóm nghề nông nghiệp trong việc đưa ra quyết định cuối cùng liên quan đến việc học hành của con. Mặt khác, không có mối liên hệ giữa nghề nghiệp của người chồng đối với quyền quyết định cuối cùng việc học tập của con cái trong gia đình.

Ở những địa bàn khảo sát khác nhau cũng cho thấy vai trò khác biệt của người vợ và người chồng đối với quyền quyết định việc học hành của con cái. Chẳng hạn, Cao Bằng là nơi có tỷ lệ người vợ là người quyết định chính việc học của con thấp hơn so với Lạng Sơn và Quảng Ninh, đồng thời cũng thấp hơn tỷ lệ này ở người chồng. Quảng Ninh là nơi có tỷ lệ người vợ được quyền chủ động quyết định việc học của con cao hơn người chồng và cao hơn tỷ lệ này ở hai tỉnh còn lại. Trong trường hợp này, luận điểm về vùng địa lý của lý thuyết tiểu văn hóa rất thích hợp để giải thích sự khác biệt về quyền lực vợ chồng giữa Quảng Ninh so với Cao Bằng và Lạng Sơn. Những điểm khác biệt về văn hóa như phương thức sản xuất, thói quen sinh hoạt, phong tục tập quán... được hình thành do những điều kiện tự nhiên và lịch sử - xã hội của mỗi vùng không giống nhau. Các xã thuộc địa bàn khảo sát tại Quảng Ninh, nhìn chung là vùng phát triển về kinh tế xã hội hơn so với các địa bàn khác, do điều kiện địa lý thuận tiện về thương mại và dịch vụ trên cả đường biển và đường bộ. Do đó, người dân chịu ảnh hưởng nhiều hơn của kinh tế thị trường, của sự hội nhập quốc tế và với mức sống cao hơn, nghề nghiệp phi nông nghiệp nhiều hơn, dịch vụ phát triển hơn, khả năng tiếp cận lối sống hiện đại dễ dàng hơn... nên khả năng người vợ được quyền đưa ra các quyết định về các vấn đề của gia đình nhiều hơn.

Có thể thấy, đằng sau những yếu tố về cấu trúc như học vấn, nghề nghiệp, khả năng đóng góp thu nhập của người vợ và người chồng thì những yếu tố văn hóa như khu vực cư trú và tộc người là hai yếu tố khác đang chi phối quyền lực của người vợ và người chồng trong gia đình. Các đặc điểm văn hóa tộc người và khu vực địa lý tạo nên những khác biệt về tập quán sinh hoạt, phong tục truyền thống.

2.3. Quyền quyết định của vợ và chồng đối với hôn nhân của con cái

Hôn nhân là một nghi thức trọng đại không chỉ riêng đối với cặp vợ chồng mà còn đối với gia đình mở rộng và hệ thống thân tộc (Đào Duy

Anh, 1938). Đối với cộng đồng cư dân ở vùng núi, hôn nhân vừa mang cả ý nghĩa văn hóa và ý nghĩa xã hội sâu sắc đối với bản thân những người kết hôn, với gia đình họ tộc và với cả cộng đồng. Hôn nhân ở vùng biên giới chịu tác động của nhiều yếu tố văn hóa và kinh tế xã hội khác. Người phụ nữ có nhiều khả năng lấy chồng bên kia biên giới mà trong nhiều trường hợp bố mẹ không thể có ý kiến với những cuộc hôn nhân này. Trong số 698 đại diện hộ khảo sát có đến 48% chưa có con từng kết hôn. Do vậy, tác giả lựa chọn số còn lại (363 người trả lời có con đã từng kết hôn) để phân tích tương quan quyền lực giữa vợ và chồng ở khía cạnh việc hôn nhân của con cái. Có thể thấy, với những cặp vợ chồng đã có con từng kết hôn thì quyền quyết định hôn nhân của con cái không hoàn toàn theo khuôn mẫu truyền thống, tỷ lệ người chồng quyết định chính chiếm gần 19,3%, quyền quyết định ở phía người vợ có tỷ lệ là 6,3%; có 40,5% người trả lời khẳng định việc hôn nhân của các con là do hai vợ chồng cùng quyết định, ngoài ra một tỷ lệ đáng lưu ý là có 33,9% người trả lời cho rằng việc hôn nhân của con họ là do chính con cái, thậm chí là do người khác quyết định. Thông tin thu được từ các dữ liệu định tính cho thấy, đặc điểm văn hóa tộc người và khu vực sinh sống sát biên giới là hai trong số những yếu tố tác động khiến việc con cái tự quyết định việc hôn nhân hoặc người khác quyết định chiếm tỷ lệ cao như vậy.

“Chúng nó cứ rủ nhau đi là đi thôi, đi một thời gian rồi cũng chẳng về, đến khi về bảo lấy chồng rồi thì biết là đã lấy chồng” (PVS nam, 54 tuổi, dân tộc Tày).

Trong nhiều trường hợp, phụ nữ thường đi làm xa và tự quyết định việc kết hôn của mình, hoặc cũng có khi họ bị lừa bán/ gả bán cho những người đàn ông họ không quen biết.

Đối với những gia đình mà cha mẹ có tham gia quyết định việc hôn nhân của con, tác giả xem xét sự khác biệt giữa các nhóm xã hội về quyền quyết định giữa vợ và chồng đối với hôn nhân của các con, nhận thấy rằng, yếu tố khu vực sinh sống cũng tác động đáng kể đến quyền quyết định việc hôn nhân của con cái của người vợ và người chồng ở các khu vực này (Bảng 3).

Cụ thể, Cao Bằng là nơi có tỷ lệ người vợ có quyền quyết định cuối cùng việc hôn nhân của con thấp hơn so với hai khu vực còn lại. Còn tại Quảng Ninh, tỷ lệ người vợ là người quyết định cuối cùng và hai vợ chồng cùng quyết định cao hơn so với Lạng Sơn và Cao Bằng. Sự khác biệt theo về khu vực cư trú cũng xuất phát từ lợi thế của Quảng Ninh, vốn là nơi có

Bảng 3. Quyền quyết định cuối cùng trong việc hôn nhân của con cái theo khu vực sinh sống đối với (%)

Khu vực sinh sống**	Quyền quyết định cuối cùng trong việc hôn nhân của con cái				
	Chồng	Vợ	Cả hai	Người khác	N
Quảng Ninh	13,9	9,6	48,7	27,8	115
Lạng Sơn	27,4	6,2	32,8	33,6	146
Cao Bằng	13,7	2,9	42,2	41,2	102

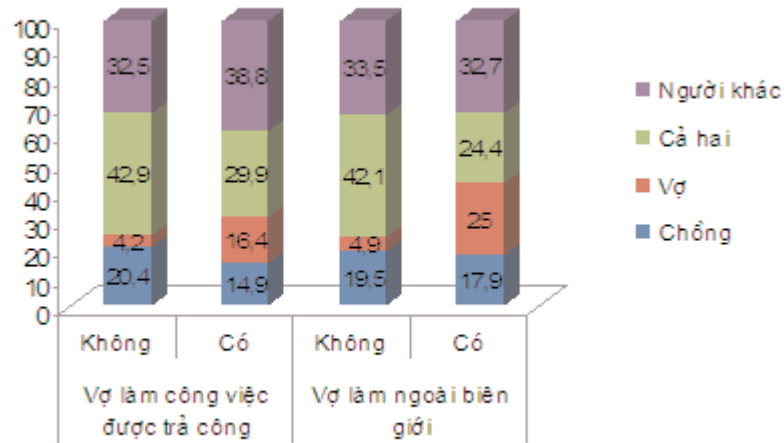
Mức ý nghĩa thống kê * $P < 0,05$ ** $P < 0,01$ *** $P < 0,001$

những thuận lợi về sự phát triển kinh tế xã hội hơn so với Lạng Sơn và Cao Bằng, do vậy việc quyết định các công việc hệ trọng trong gia đình của vợ và chồng có xu hướng bình đẳng hơn so với hai địa bàn còn lại.

Phân tích thêm cho thấy, yếu tố dân tộc, học vấn, tuổi, nghề nghiệp, công việc của người chồng không có mối liên hệ với tiếng nói quyết định cuối cùng của người chồng ở lĩnh vực này. Nó cho thấy dù người chồng ở độ tuổi nào, tộc người nào, trình độ học vấn như thế nào cũng không ảnh hưởng đến tiếng nói quyết định cuối cùng của họ với việc hệ trọng của gia đình, họ tộc liên quan đến việc hôn nhân của con cái. Tuy vậy, việc người vợ có công việc được trả công và có làm ngoài biên giới có mối quan hệ có ý nghĩa thống kê với tỷ lệ quyết định của người vợ trong hôn nhân của con cái.

Số liệu Biểu đồ 1 cho thấy, người vợ có công việc được trả công và có đi làm ngoài biên giới có tỷ lệ quyết định việc hôn nhân của các con cao hơn hẳn so với tỷ lệ này ở những người vợ không làm việc được trả công và không làm ngoài biên giới, lần lượt là 16,4% so với 4,2% và 25% so với 4,9%. Thậm chí trong những gia đình này, tỷ lệ người chồng quyết định cuối cùng việc hôn sự của các con còn thấp hơn tỷ lệ này ở người vợ. Sự lý giải ở đây hướng đến yếu tố đóng góp thu nhập bằng tiền mặt của người vợ đối với gia đình liên quan đến việc quyết định thời điểm kết hôn của con, thêm nữa là vai trò của người phụ nữ trong thu xếp quán xuyến các công việc liên quan đến lễ nghi phong tục... Do vậy, những phụ nữ này có quyền quyết định việc hôn nhân của con cao hơn so với chồng họ và những phụ nữ khác có ít đóng góp thu nhập bằng tiền.

Biểu 1. Tương quan giữa quyền quyết định việc hôn nhân của con cái với tình trạng có việc làm được trả công và công việc ngoài biên giới của người vợ (%)



Kết luận

Phân tích quyền quyết định của vợ và chồng liên quan đến việc học tập và hôn nhân của con cái trong các gia đình miền núi biên giới phía Bắc cho thấy các yếu tố cá nhân như nhóm tuổi, nghề nghiệp và học vấn của người vợ có mối liên hệ với việc tăng quyền quyết định chính đến việc học tập của con cái trong các gia đình. Những yếu tố như khu vực cư trú và tộc người có tác động, chi phối quyền lực của người vợ và người chồng trong gia đình. Ở khía cạnh quyền quyết định hôn nhân của con cái, quan hệ quyền lực vợ chồng bộc lộ những điểm khác biệt hơn so với mối tương quan quyền lực này đối với việc học hành của các con. Các yếu tố như tuổi, học vấn, dân tộc và nghề nghiệp của người vợ và chồng không cho thấy có tác động đến quyền quyết định việc học tập của các con nhưng yếu tố người vợ có công việc được trả công và có việc làm ngoài biên giới lại có ảnh hưởng mạnh mẽ đến quyền quyết định việc hôn nhân của các con ở những gia đình đó. Luận điểm này gợi ra rằng yếu tố thu nhập đã góp phần làm tăng quyền quyết định của phụ nữ ở khía cạnh quyết định hôn nhân của các con.

Các kết quả phân tích đã góp phần nhận diện về quan hệ quyền lực giữa vợ và chồng ở khía cạnh về quyền quyết định đến con cái trong các gia

đình miền núi biên giới Việt Nam. Nó vẫn thấy khuôn mẫu truyền thống người chồng chung đó là người chồng vẫn là người quyết định chính các vấn đề liên quan đến con cái. Tuy nhiên, các yếu tố về học vấn và công việc của người vợ đang có những tác động tích cực làm tăng quyền cho người phụ nữ đối với các vấn đề liên quan đến con cái của họ. Đặc biệt là trong các gia đình dân tộc thiểu số ở khu vực miền núi biên giới phía Bắc thì hai yếu tố về học vấn và công việc tạo thu nhập có mối liên hệ tích cực đối với quyền lực của người phụ nữ trong gia đình.■

Chú thích

⁽¹⁾ Đồng Văn, Hoàng Mô, Ninh Dương, Quảng Nghĩa (Quảng Ninh); Đàm Thủy, Chí Viễn, Cô Ba và Cốc Pàng (Cao Bằng) và Thanh Long, Trùng Khánh, Cao Lâu, Bảo Lâm, Xuất Lễ (Lạng Sơn).

Tài liệu trích dẫn

- Blumberg, R.L., & Coleman, M.T. 1989. "A Theoretical Look at the Gender Balance of Power in the American Couple". *Journal of Family Issues*, June 1989 vol.10, No.2, p.225-250.
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thống kê, Viện Gia đình và Giới, Quỹ Nhi đồng Liên hợp Quốc (Unicef). 2008. *Kết quả Điều tra Gia đình Việt Nam năm 2006*, Hà Nội.
- Đào Duy Anh. 1938. *Việt Nam văn hóa sử cương*. Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh và Khoa Sử - Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh in lại 1992.
- Hyman Rodman. 1972. "Marital Power and the Theory of Resources in Cultural Context". *Journal of Comparative Family Studies*, Vol. 3, No. 1, Comparative perspectives on marriage and the family (Spring 1972), pp. 50-69.
- Isee. 2011. Học không được hay học để làm gì? Trải nghiệm học tập của thanh thiếu niên dân tộc thiểu số (Nghiên cứu trường hợp tại Yên Bái, Hà Giang và Điện Biên). Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) và CARE: <http://isee.org.vn/Content/Home/Library/ethnic-minorities/hoc-khong-duoc-hay-hoc-de-lam-gi-tra-nghiem-hoc-tap-cua-thanh-thieu-nien-dan-toc-thieu-so.pdf>
- Lê Ngọc Văn. 2011. *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam*. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- Murray A Straus and Carrie L. Yodanis. 1995. "Marital power". In *David Levison (Editor): Encyclopedia of Marriage and the Family*, Vol 2, pp 437-422. Ny Simon and Schuster Macmilan.

- Orpesa. 1997. Development and Marital Power in Mexico. *Social Forces* 75 (4): 1291-1318.
- Trần Thị Vân Anh, Nguyễn Hữu Minh (chủ biên). 2008. *Bình đẳng giới ở Việt Nam: Phân tích số liệu điều tra*. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới. 2012. *Giá trị con cái trong gia đình Việt Nam: những vấn đề đặt ra*. Đề tài cấp Bộ.
- Xiaohe Xu and Shu-Chuan Lai. 2002. "Resource, Gender Ideologies and Marital Power: The case of Taiwan" *Journal of Family Issue*, March.